

PHỤ LỤC
PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ

Dự án: Cầu 16/5 thị trấn Đắk Glei, huyện Đắk Glei (Đợt 1)

Địa điểm: Thôn 16/5 và thôn Đông Sông, xã Đắk Pék, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Tờ trình số 76/TTr-PKT ngày 29/10/2025 của Phòng Kinh tế xã Đắk Pék)

Stt	Tên chủ hộ và nội dung bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Tỷ lệ	Thành tiền
I	Chi phí bồi thường, hỗ trợ các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân					8.010.278.484
1	A Nhân - CCCD số: 062045000007 và bà Y Banh - CCCD số: 062155000021	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				16.240.953
a	<i>Bồi thường về đất</i>					11.592.953
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 13, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	165,2	33.779	100%	5.580.291
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 08, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất chưa cấp GCN QSD đất	m2	178	33.779	100%	6.012.662
b	<i>Bồi thường cây cối hoa màu</i>					4.648.000
*	Thửa số 13, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5					1.158.000
-	Mít thái KTCB năm thứ 4	cây	4,0	195.000	100%	780.000
-	Xăm bô chê KTCB năm thứ 4	cây	1,0	105.000	100%	105.000
-	Chanh KTCB năm thứ 3	cây	1,0	173.000	100%	173.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	1,0	100.000	100%	100.000
-	Bơ KTCB năm thứ 4 (vượt mật độ)	cây	4,0	91.000	0	-
-	Đinh lăng trồng phân tán $\geq$ 12 tháng (vượt mật độ)	cây	10,0	11.000	0	-
-	Sả trồng phân tán (vượt mật độ)	bụi	57,0	5.000	0	-
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	7,0	100.000	0	-
*	Thửa số 08, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông					3.490.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	34,0	100.000	100%	3.400.000

-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	2,0	45.000	100%	90.000
-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	29,0	45.000	0	-
2	A Nhân - CCCD số: 062065000052 và bà Y Nung - CCCD số: 062169000089	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				83.818.240
<i>a</i>	Bồi thường về đất					55.636.240
-	Đất trồng cây lâu năm (Thửa số 14, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	1360	40.909	100%	55.636.240
<i>b</i>	Bồi thường cây cối hoa màu					28.182.000
-	Bồi lời KTCB năm thứ 7	cây	212,0	105.000	100%	22.260.000
-	Xoài KD năm thứ 7	cây	2,0	1.180.000	100%	2.360.000
-	Ổi KD năm thứ 7	cây	6,0	275.000	100%	1.650.000
-	Sầu riêng KTCB năm thứ 5	cây	1,0	712.000	100%	712.000
-	Cây xà cừ KD năm thứ 17 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	2,0	150.000	100%	300.000
-	Muồng KD năm thứ 5 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	6,0	125.000	100%	750.000
-	Hương KD năm thứ 3	cây	1,0	150.000	100%	150.000
3	A Thi - CCCD số: 062058002692 và bà Nguyễn Thị Hợp - CCCD số: 037162003149	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				337.762.402
<i>a</i>	Bồi thường về đất					298.301.002
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọ) (Thửa số 05, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	50,0	1.710.000	100%	85.500.000
-	Đất KTV (Thửa số 05, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	637,5	300.000	100%	191.250.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 02, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	638	33.779	100%	21.551.002
<i>b</i>	Hỗ trợ về đất					11.484.000
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND	m2	638,0	18.000	100%	11.484.000
<i>c</i>	Bồi thường cây cối hoa màu					27.977.400
*	Thửa số 05, tờ bản đồ số 02					16.610.000

-	Nhãn KD năm thứ 7	cây	5,0	1.180.000	100%	5.900.000
-	Dừa KD năm thứ 9	cây	2,0	960.000	100%	1.920.000
-	Cà phê vối KD năm thứ 7	cây	6,0	700.000	100%	4.200.000
-	Bời lời KTCB năm thứ 7	cây	40,0	105.000	100%	4.200.000
-	Chanh KTCB KD năm thứ 1	cây	1,0	390.000	100%	390.000
*	Thửa số 02, tờ bản đồ số 02					11.367.400
-	Mít thái KD năm thứ 2	cây	6,0	483.000	100%	2.898.000
-	Thanh long ruột đỏ KD năm thứ 3	trụ	12,0	260.000	100%	3.120.000
-	Cây xả cừ KD năm thứ 17 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	2,0	150.000	100%	300.000
-	Cây Xoan KD năm thứ 17 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	2,0	150.000	100%	300.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	24,0	100.000	100%	2.400.000
-	Cây rau gia vị các loại	m2	7,0	18.200	100%	127.400
-	Cây nghệ trồng tập trung	m2	20,0	4.000	100%	80.000
-	Cây ngô lai	m2	630,0	3.400	100%	2.142.000
4	Bùi Văn Tiến - CCCD số: 0400051000476 và bà Trần Thị Đào - CCCD số: 040154000633	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				226.180.376
a	Bồi thường về đất					156.294.000
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọ) (Thửa số 04, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	91,4	1.710.000	100%	156.294.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					2.538.000
-	Mít thái KD năm thứ 2	cây	1,0	483.000	100%	483.000
-	Cây Muồng KD năm thứ 20 (hỗ trợ Công thu hoạch và khi khai thác sớm)	cây	1,0	150.000	100%	150.000
-	Thanh long (ruột đỏ) KTCB năm thứ 3	trụ	9,0	140.000	100%	1.260.000
-	Trụ thanh long (trụ gỗ đường kính từ 15-20 cm; Chiều cao trụ: 1,2 - 1,4 m))	trụ	4,0	130.000	100%	520.000
-	Cây Xoan KD năm thứ 2 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	1,0	125.000	100%	125.000
-	Bời lời KTCB năm thứ 7 (vượt mật độ)	cây	6,0	105.000	0	0
-	Cây cau KTCB năm thứ 5 (vượt mật độ)	cây	5,0	109.000	0	0
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	24,0	100.000	0	0

-	Cây dừa khác trên 6 tháng (vượt mật độ)	cây	10,0	4.500	0	0
c	Bồi thường vật kiến trúc					67.348.376
-	Trụ BTCT đúc sẵn kích thước 0,1×0,1, cao 2 m.(22)	md	32,5	53.459	100%	1.737.418
-	Hàng rào trụ gỗ, kẽm gai (tính cho ≥ 5 dây dọc/m) không đan ô. (34)	m2	25,0	114.555	100%	2.863.875
-	Tường rào kết cấu trụ bằng gạch, tường xây gạch (Trụ, tường xây gạch, không tô) (21)	m2	40,0	700.432	100%	28.017.280
-	Kè xây đá hộc (66b)	m3	27,0	1.286.289	100%	34.729.803,0
5	Đinh Thị kim Huệ - CCCD số: 062183002879	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				506.880.000
a	Bồi thường về đất					495.180.000
-	Đất ở đô thị (Các tuyến đường nhánh giao nhau với đường Hùng Vương: Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ) (Thửa số 09, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	378,0	1.310.000	100%	495.180.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					11.700.000
-	Xoài KD năm thứ 5	cây	15,0	780.000	100%	11.700.000
6	Đinh Thị kim Tuyến - CCCD số: 033174013382	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				188.741.000
a	Bồi thường về đất					184.841.000
-	Đất ở đô thị (Các tuyến đường nhánh giao nhau với đường Hùng Vương: Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ) (Thửa số 13, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	141,1	1.310.000	100%	184.841.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					3.900.000
-	Xoài KD năm thứ 5	cây	5,0	780.000	100%	3.900.000
7	Đinh Thị Thanh Hoa - CCCD số: 062190000211	Thôn Đắk Xanh, xã Đắk Pék				433.800.000
a	Bồi thường về đất					424.440.000
-	Đất ở đô thị (Các tuyến đường nhánh giao nhau với đường Hùng Vương: Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ) (Thửa số 08, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	324,0	1.310.000	100%	424.440.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					9.360.000
-	Xoài KD năm thứ 5	cây	12,0	780.000	100%	9.360.000
8	Đinh Xuân Bình - CCCD số: 052060000510	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				131.928.552

a	Bồi thường về đất					122.031.000
-	Đất ở đô thị: Từ bờ Bắc cầu Đắk Pék (thị trấn) đến ngã tư Trần Phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ (Thửa số 06, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	11,7	10.430.000	100%	122.031.000
b	Bồi thường vật kiến trúc					9.897.552
-	Mái hiên: Khung thép, mái lợp tôn (1)	m2	21,00	471.312	100%	9.897.552
9	Đinh Xuân Hùng - CCCD số: 033050002329 và bà Hoàng Thị Bình - CCCD số: 033155003041	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				107.660.740
a	Bồi thường về đất					38.589.460
-	Đất trồng cây lâu năm (Thửa số 10, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất. Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	943,3	40.909	100%	38.589.460
b	Bồi thường cây cối hoa màu					43.640.000
-	Nhãn KD năm thứ 7	cây	35,0	1.180.000	100%	41.300.000
-	Xoài KD năm thứ 5	cây	3,0	780.000	100%	2.340.000
-	Thanh long ruột đỏ KD năm thứ 3 (vượt mật độ)	trụ	6,0	260.000	0	0
-	Cà ri năm thứ 7 (vượt mật độ)	cây	5,0	255.000	0	0
-	Mít thái KTCB năm thứ 4 (vượt mật độ)	cây	50,0	195.000	0	0
-	Cây thông KD năm thứ 7 (vượt mật độ)	cây	8,0	190.000	0	0
-	Cây sao xanh KD năm thứ 1 (vượt mật độ)	cây	19,0	150.000	0	0
-	Cây xà cừ KD năm thứ 5 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm) (vượt mật độ)	cây	29,0	125.000	0	0
-	Muồng KD năm thứ 5 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm) (vượt mật độ)	cây	5,0	125.000	0	0
-	Xoan KD năm thứ 5 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm) (vượt mật độ)	cây	10,0	125.000	0	0
-	Bời lời KTCB năm thứ 7 (vượt mật độ)	cây	125,0	105.000	0	0
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	35,0	100.000	0	-
-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	20,0	45.000	0	0
c	Bồi thường vật kiến trúc					25.431.280

-	Hàng rào trụ xây gạch, kèm gai (<i>tính cho ≥ 5 dây dọc/m</i>) không đan ô. (30)	m2	126,00	151.649	100%	19.107.774
-	Tường rào kết cấu trụ bằng gạch, tường xây gạch (Trụ, tường xây gạch, không tô) (21)	m2	7,0	700.432	100%	4.903.024
-	Hàng rào trụ BTCT 0,1m×0,1m, cao 1m lưới B40 (26)	m2	14,0	101.463	100%	1.420.482
10	Đinh Xuân Tiền - CCCD số: 033080005695 và bà Trần Thị Dang - CCCD số:062186000147	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				209.252.000
a	Bồi thường về đất					202.526.000
-	Đất ở đô thị (Các tuyến đường nhánh giao nhau với đường Hùng Vương: Từ ngã ba chợ thị trấn đến ngã tư đường vào nhà ông Phụ Thọ) (Thửa số 02, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	154,6	1.310.000	100%	202.526.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					6.726.000
-	Cam KD năm thứ 3	cây	1,0	390.000	100%	390.000
-	Măng bát độ năm thứ 7	bụi	4,0	330.000	100%	1.320.000
-	Cây gỗ sưa năm thứ 7	cây	3,0	297.000	100%	891.000
-	Ôi KD năm thứ 7	cây	15,0	275.000	100%	4.125.000
11	Nguyễn Duy Toán (mẹ Doãn Thị Ngọc đã mất) - CCCD số: 062084000119	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				1.001.983.022
a	Bồi thường về đất					490.372.853
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọc) (Thửa số 16, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5. Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	250,0	1.710.000	100%	427.500.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 16, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	1.234,1	33.779	100%	41.686.664
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 15, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất chưa cấp GCN QSD đất	m2	627,2	33.779	100%	21.186.189
b	Hỗ trợ về đất					33.503.400
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND	m2	1.234,1	18.000	100%	22.213.800

-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND	m2	627,2	18.000	100%	11.289.600
c	Bồi thường cây cối hoa màu					42.514.000
*	Thửa số 16, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5					27.674.000
-	Xoài KD năm thứ 7	cây	4,0	1.180.000	100%	4.720.000
-	Nhãn KD năm thứ 7	cây	2,0	1.180.000	100%	2.360.000
-	Tiêu KD năm thứ 7	trụ	2,0	1.143.000	100%	2.286.000
-	Vú sữa KD năm thứ 8	cây	1,0	1.150.000	100%	1.150.000
-	Mít thái KD năm thứ 2	cây	8,0	483.000	100%	3.864.000
-	Cam KD năm thứ 1	cây	2,0	390.000	100%	780.000
-	Mãng cầu năm thứ 7	cây	1,0	300.000	100%	300.000
-	Ổi KD năm thứ 7	cây	1,0	275.000	100%	275.000
-	Cây dừa KTCB năm thứ 5	cây	1,0	250.000	100%	250.000
-	Cây xả cừ KD năm thứ 17 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	5,0	150.000	100%	750.000
-	Trụ tiêu: Trụ sống (Gồm keo dậu, giả anh đào, muồng đen, lồng mức, gòn,.... trồng từ năm thứ 3 trở đi)	trụ	2,0	150.000	100%	300.000
-	Thanh long (ruột đỏ) KTCB năm thứ 3	trụ	2,0	140.000	100%	280.000
-	Trụ thanh long (trụ gỗ đường kính từ 15-20 cm; Chiều cao trụ: 1,2 - 1,4 m))	trụ	2,0	130.000	100%	260.000
-	Cây Xoan KD năm thứ 2 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	1,0	125.000	100%	125.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	42,0	100.000	100%	4.200.000
-	Bời lời KTCB năm thứ 5	cây	22,0	64.000	100%	1.408.000
-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	90,0	45.000	100%	4.050.000
-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	80,0	45.000	0	0
-	Đinh lăng trồng phân tán $\geq$ 12 tháng	cây	21,0	11.000	100%	231.000
-	Sả trồng phân tán	bụi	17,0	5.000	100%	85.000
*	Thửa số 15, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5					14.840.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	125,0	100.000	100%	12.500.000
-	Cây sắn	m2	600,0	3.900	100%	2.340.000

d	Bồi thường vật kiến trúc					435.592.770
*	Thửa số 16, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5					435.592.770
-	Nhà 1 tầng: Kết cấu tường chịu lực; tường bao che xây gạch; nền lát gạch kích thước $\leq (500 \times 500)$ mm; tường bả matit và sơn nước; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ; trần đóng tôn; mái lợp ngói; hệ thống điện, nước âm tường; Không có nhà vệ sinh (giảm 132.000 đ/m ²). (2)	m2	61,00	4.164.358	100%	254.025.838
-	Nhà bếp 1: Khung bằng gạch chịu lực; tường xây gạch; cửa gỗ; nền láng xi măng; mái lợp ngói. (29)	m2	29,0	1.865.610	100%	54.102.690
-	Nhà bếp 2: Khung sắt chịu lực; vách tôn; cửa gỗ; nền láng xi măng; mái lợp tôn (30)	m2	20,2	1.178.280	100%	23.801.256
-	Nhà vệ sinh nằm ngoài nhà chính					12.394.071
+	Khung bằng gạch chịu lực; tường xây gạch; cửa gỗ; nền láng xi măng; mái lợp tôn. (28)	m2	3,0	2.317.066	100%	6.951.197
+	Hầm tự hoại, rút, thấm bằng BTCT đường kính phủ bì 1m (45)	ms	2,0	1.971.437	100%	3.942.874
+	Có xí xôm	bộ	1,0	1.100.000	100%	1.100.000
+	Có vòi sen, vòi rửa lạnh	bộ	1,0	400.000	100%	400.000
-	Chuồng bò 1: Vách gỗ; nền láng xi măng; mái lợp tôn (38)	m2	21,0	1.172.825	100%	24.629.325
-	Chuồng bò 2: Vách gỗ; nền láng xi măng; mái lợp tôn (38)	m2	12,00	1.172.825	100%	14.073.900
-	Chuồng gà: Vách gỗ; nền đất; mái lợp tôn (38)	m2	10,4	1.034.268	100%	10.756.387
-	Bể nước: Bể xây gạch, khung kiềng BTCT, nền đổ bê tông (39)	m3	3,0	1.136.822	100%	3.410.466
-	Mái hiên 1: Khung gỗ, mái lợp tôn (4)	m2	14,0	411.307	100%	5.758.298
-	Mái hiên 2: Khung gỗ, mái lợp tôn (4)	m2	20,00	411.307	100%	8.226.140
-	Sân đường, lớp mặt đá 1×2, lót bê tông đá 4×6 dày 10cm (53)	m2	85,00	266.204	100%	22.627.340
-	Giàn đậu: Giàn bằng vật liệu gỗ, tre, nứa, trụ gỗ, căng lưới cước để dây leo. (68e)	m2	30,00	42.549	100%	1.276.470
-	Giàn bầu: Giàn bằng vật liệu gỗ, tre, nứa, trụ gỗ, căng lưới cước để dây leo. (68e)	m2	12,00	42.549	100%	510.588
12	Hoàng Thị Mai Linh - CCCD số: 062189001295	Đạ Huoai 2, tỉnh Lâm Đồng				77.499.815
a	Bồi thường về đất					77.499.815

-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngo) (Thửa số 08, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	44	1.710.000	100%	75.240.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 08, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	66,9	33.779	100%	2.259.815
13	Lê Cảnh Định - CCCD số: 040069000856 và bà Lê Thị Kiều - CCCD số: 040173001115	Thôn 14B, xã Đắk Pék				22.558.944
a	Bồi thường về đất					8.656.344
-	Đất trồng cây lâu năm (Thửa số 18, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	211,6	40.909	100%	8.656.344
b	Hỗ trợ về đất					7.617.600
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND	m2	211,6	36.000	100%	7.617.600
c	Bồi thường cây cối hoa màu					6.285.000
-	Bồi lờn KTCB năm thứ 7	cây	25,0	105.000	100%	2.625.000
-	Xoài KD năm thứ 7	cây	2,0	1.180.000	100%	2.360.000
-	Muồng KD năm thứ 5 (<i>Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm</i>)	cây	6,0	125.000	100%	750.000
-	Ổi KD năm thứ 7	cây	2,0	275.000	100%	550.000
14	Lê Quốc Anh - CCCD số: 042086001167 và bà Lê Thị Hoan- CCCD số: 038188020986	Thôn 14A, xã Đắk Pék				1.876.232
a	Bồi thường về đất					108.093
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 03, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	3,2	33.779	100%	108.093
b	Bồi thường cây cối hoa màu					100.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	1,0	100.000	100%	100.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	7,0	100.000	0	-
c	Bồi thường vật kiến trúc					1.668.139
-	Hàng rào trụ xây gạch, kẽm gai (<i>tính cho ≥ 5 dây dọc/m</i>)không đan ô. (30)	m2	11,00	151.649	100%	1.668.139

15	Lê Võ Tiến - CCCD số: 040086002407 và bà Bùi Thị Anh Vân - CCCD số: 044190004462	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				496.122.303
a	Bồi thường về đất					443.531.513
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngọ) (Thửa số 14, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	250,0	1.710.000	100%	427.500.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác	m2	474,6	33.779	100%	16.031.513
b	Bồi thường cây cối hoa màu					15.835.000
-	Xoài KD năm thứ 7	cây	4,0	1.180.000	100%	4.720.000
-	Tiêu KD năm thứ 7	trụ	2,0	1.143.000	100%	2.286.000
-	Mít thái KD năm thứ 2	cây	1,0	483.000	100%	483.000
-	Nhãn KTCB năm thứ 5	cây	5,0	360.000	100%	1.800.000
-	Cam KD năm thứ 1	cây	2,0	390.000	100%	780.000
-	Mãng cầu năm thứ 7	cây	1,0	300.000	100%	300.000
-	Ổi KD năm thứ 7	cây	1,0	275.000	100%	275.000
-	Cây xà cừ KD năm thứ 17 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	5,0	150.000	100%	750.000
-	Trụ tiêu: Trụ sống (Gồm keo dậu, giả anh đào, muồng đen, lông mừ, gòn,.... trồng từ năm thứ 3 trở đi)	trụ	2,0	150.000	100%	300.000
-	Thanh long (ruột đỏ) KTCB năm thứ 3	trụ	10,0	140.000	100%	1.400.000
-	Trụ thanh long (trụ gỗ đường kính từ 15-20 cm; Chiều cao trụ: 1,2 - 1,4 m))	trụ	10,0	130.000	100%	1.300.000
-	Cây Xoan KD năm thứ 2 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	1,0	125.000	100%	125.000
-	Muồng KD năm thứ 5 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	7,0	125.000	100%	875.000
-	Bằng lăng KD năm thứ 7 (Hỗ trợ công thu hoạch và khai thác sớm)	cây	1,0	125.000	100%	125.000
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	27,0	100.000	0	-
-	Ổi KTCB năm thứ 4 (vượt mật độ)	cây	2,0	91.000	0	0
-	Chuối dưới 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	68,0	45.000	0	0
-	Mía vườn trồng phân tán trên 6 tháng	cây	18,0	9.400	100%	169.200
-	Sả trồng phân tán	bụi	20,0	5.000	100%	100.000
-	Cây sắn	m2	12,0	3.900	100%	46.800

d	Bồi thường vật kiến trúc					36.755.790
-	Giếng nước: Đường kính phủ bì 1m: Giếng đúc buy BTCT, nền bê tông (46)	ms	10,00	1.103.001	100%	11.030.010
-	Kè xây đá hộc dài 38,4 m rộng bình quân 0,4 cao 1,3 m (66b)	m3	20,0	1.286.289	100%	25.725.780
16	Nguyễn Văn Tình - CCCD số: 044090014021 và bà Đặng Thị Tâm - CCCD số: 054190006781	Thôn Xốp Dùi, xã Xốp				348.204.763
a	Bồi thường về đất					347.242.501
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngo) (Thửa số 10, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	200,0	1.710.000	100%	342.000.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 10, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	123,1	33.779	100%	4.158.195
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 17, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	32,1	33.779	100%	1.084.306
b	Bồi thường vật kiến trúc					962.262
*	Thửa số 10, tờ bản đồ số 02					
-	Trụ BTCT đúc sẵn kích thước 0,1×0,1, cao 2 m.(22)	md	18,0	53.459	100%	962.262
17	Phạm Thị Sỹ - CCCD số: 062166000220	Thôn Đăk Sút, xã Đăk Môn				204.029.241
a	Bồi thường về đất					204.029.241
-	Đất ở đô thị (Từ ngã ba nhà ông A Nghét đến hết đường nhà Mạnh Ngo) (Thửa số 11, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	118,3	1.710.000	100%	202.293.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 11, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	51,4	33.779	100%	1.736.241
18	Phùng Văn Hoà - CCCD số: 036086022677 và bà Trần Thị Phương - CCCD số: 036192017318	Thôn Đăk Ga, xã Đăk Plô				3.521.396.458
a	Bồi thường về đất					2.305.030.000
-	Đất ở đô thị: Từ bờ Bắc cầu Đăk Pék (thị trấn) đến ngã tư Trần Phú, Hùng Vương, Nguyễn Huệ (Thửa số 05, tờ bản đồ số 01, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	221,0	10.430.000	100%	2.305.030.000
b	Bồi thường cây cối hoa màu					340.000

-	Cây cảnh trồng ngoài chậu đường kính 20cm	cây	1,0	250.000	100%	250.000
-	Cây cảnh trồng trong chậu > 40 - 60 cm (<i>Hỗ trợ chi phí di dời</i>)	cây	1,0	90.000	100%	90.000
c	Bồi thường vật kiến trúc					1.216.026.458
-	Nhà 1 tầng (Nhà 01): Kết cấu khung chịu lực; tường bao che xây gạch; nền lát gạch kích thước $\leq (600 \times 600)$ mm; tường bả matit và sơn nước; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; sê nô đồ BTCT, mái lợp tôn; trần gỗ tự nhiên; hệ thống điện âm tường; (<i>Nhà vệ sinh không khép kín, không có hệ thống nước giảm 135.000 đồng/m²; Nhà 2 mặt tiền *1,05; gạch 600x600 cộng 260.000 đ; trừ gạch 500x500, 190.000đ</i>). (7)	m2	75,8	6.158.773	100%	466.581.263
-	Trần thạch cao khung chìm (có sơn nước)	m2	53,1	283.660	100%	15.063.409
-	Cửa kính cường lực dày 10mm (<i>hỗ trợ tháo dỡ, di dời</i>)	m2	14,5	90.000	100%	1.309.158
-	Giếng nước: Đường kính phủ bì 1m: Giếng đúc buy BTCT, nền bê tông (46)	ms	30,0	1.103.001	100%	33.090.030
-	Máy lạnh (điều hòa) âm trần (<i>hỗ trợ nhân công tháo dỡ</i>)	cái	3,0	200.000	100%	600.000
-	Nhà 1 tầng (Nhà 02): Kết cấu khung chịu lực; tường bao che xây gạch; nền lát gạch kích thước $\leq (300 \times 300)$ mm; tường không matit, sơn nước; cửa đi, cửa sổ bằng nhôm kính; sê nô đồ BTCT, mái lợp tôn; trần gỗ tự nhiên; hệ thống điện không âm tường; (<i>Nhà vệ sinh không khép kín, không có hệ thống nước giảm 135.000 đồng/m²; điện đi ngoài giảm 50.000 đ/m²; tường không bả ma tít giảm 219.000 đ/m²</i>)(7)	m2	77,6	5.819.773	100%	451.614.396
-	Nhà 1 tầng (Nhà 03): Kết cấu tường chịu lực; tường bao che xây gạch; nền láng vữa xi măng; tường không bả matit, sơn nước; cửa đi, cửa sổ bằng gỗ hoặc nhôm kính; trần đóng gỗ tự nhiên; mái lợp tôn; hệ thống điện, nước (<i>điện nước đi ngoài giảm 50.000 đ/m²; tường không bả ma tít giảm 219.000 đ/m²; không Lát gạch kích thước $\leq (500 \times 500)$mm giảm 120.000 đ/m²</i>)(1)	m2	46,6	3.722.979	100%	173.490.821

-	Nhà vệ sinh+Nhà tắm 01: Nhà vệ sinh nằm ngoài nhà chính: Khung bằng gạch chịu lực; tường xây gạch, cửa nhôm, nền lát gạch KT $\leq (500 \times 500)$ mm, mái lợp tôn (nền lát gạch KT $\leq (500 \times 500)$ mm cộng 190.000đ/m ² - đơn giá nền láng xi măng 70.000đ/m ²)(28)	m2	6,4	1.775.047	100%	11.329.237
-	Bồn chứa nước V = 2.000 lít (Inox) (52g) (hỗ trợ 20% chi phí để di chuyển và lắp đặt lại)	Bồn	1,0	1.232.600	100%	1.232.600
-	Bể nước đúc BTCT, nền bê tông (38)	m3	2,8	1.347.385	100%	3.676.445
-	Bê xi bột	bộ	1,0	1.650.000	100%	1.650.000
-	Hầm tự hoại (44)	m3	7,0	2.511.482	100%	17.580.374
-	Nhà vệ sinh 02: Khung bằng gạch chịu lực; tường xây gạch, cửa nhôm, nền lát gạch KT $\leq (500 \times 500)$ mm, mái lợp tôn (nền lát gạch KT $\leq (500 \times 500)$ mm cộng 190.000đ/m ² -đơn giá nền láng xi măng 70.000đ/m ²) (28)	m2	6,0	1.775.047	100%	10.650.282
-	Bê xi xôm	bộ	1,0	1.100.000	100%	1.650.000
-	Hầm tự hoại (44)	m3	3,0	2.511.482	100%	7.534.446
-	Bảng pano quảng cáo: Bảng xi nhanh 1 mặt chữ, khung sắt + bảng tôn + chân trụ sắt. (hỗ trợ chi phí công tháo dỡ, vận chuyển đi dời và lắp đặt lại) (71b)	m2	17,7	132.011	100%	2.333.954
-	Tường rào kết cấu trụ bằng gạch, tường xây gạch sơn nước (21)	m2	2,3	820.432	100%	1.886.994
-	Sân đường bê tông xi măng mặt đường đá 1x2 dày 20cm (54)	m2	16,5	337.119	100%	5.562.464
-	Mái hiên: Khung thép, mái lợp tôn (1)	m2	19,5	471.312	100%	9.190.584
19	Xiêng Nghĩa Tình và bà Y Lục	Thôn 16/5, xã Đắk Pék				13.223.252
a	Bồi thường về đất					7.282.752
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 12, tờ bản đồ số 02, thôn 16/5). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	215,6	33.779	100%	7.282.752
b	Bồi thường cây cối hoa màu					5.940.500
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	44,0	100.000	100%	4.400.000
-	Cây rau gia vị các loại	m2	60,0	18.200	100%	1.092.000
-	Cây sắn	m2	115,0	3.900	100%	448.500

20	Gia Giang Bằng - CCCD số: 062058000045 và bà Trương Thị Sim - CCCD số: 034171008581	Thôn Đăk Xanh, xã Đăk Pék				3.698.174
a	Bồi thường về đất					3.698.174
-	Đất trồng cây lâu năm (Thửa số 06, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất chưa cấp GCN QSD đất	m2	90,4	40.909	100%	3.698.174
21	Nguyễn Thanh Tùng - CCCD số: 030078008482	Thôn Đông Thượng, xã Đăk Pék				3.919.082
a	Bồi thường về đất					3.919.082
-	Đất trồng cây lâu năm (Thửa số 05, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	95,8	40.909	100%	3.919.082
22	Phan Văn Ngọc - CCCD số: 046060000607 và bà Nguyễn Thị Hồng Minh - CCCD số: 042164000585	Thôn 16/5, xã Đăk Pék				63.114.252
a	Bồi thường về đất					63.114.252
-	Đất ở đô thị (Đường Chu Văn An: Từ cầu treo nhà ông Quang sâu 50m đến giáp vị trí 1 đường Hùng Vương thôn Đăk Dung) (Thửa số 05, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	2,14	3.910.000	100%	8.367.400
-	Đất KTV (Thửa số 05, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất đã cấp GCN QSD đất	m2	172,0	300.000	100%	51.600.000
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 05, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất chưa cấp GCN QSD đất	m2	93,16	33.779	100%	3.146.852
23	Y Han - CCCD số: 062163000055	Thôn Đông Sông, xã Đăk Pék				7.938.684
a	Bồi thường về đất					2.921.884
-	Đất trồng cây hàng năm khác (Thửa số 07, tờ bản đồ số 03, thôn Đông Sông). Đất chưa cấp GCN QSD đất	m2	86,5	33.779	100%	2.921.884
b	Hỗ trợ về đất					3.114.000
-	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Quyết định số 48/2024/QĐ-UBND	m2	86,5	36.000	100%	3.114.000
c	Bồi thường cây cối hoa màu					1.902.800
-	Cây sắn	m2	52,0	3.900	100%	202.800
-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây)	cây	17,0	100.000	100%	1.700.000

-	Chuối trên 6 tháng (bụi chuối chỉ có 1 cây) (vượt mật độ)	cây	43,0	100.000	0	0
24	Bùi Văn Đông - CCCD số: 040078001516					2.450.000
a	Bồi thường vật kiến trúc					2.450.000
-	Mộ đất, không xây tường bao quanh (không có mái che) (80)	mộ	1,0	2.450.000	100%	2.450.000
II.	Chi phí thực hiện công tác bồi thường					306.764.956
	LÀM TRÒN					306.764.000
1	Tiền lương và các khoản phụ cấp					176.704.320
2	Các khoản trích nộp theo lương					33.630.272
3	Tiền công hỗ trợ làm thêm giờ					70.540.364
4	Tiền văn phòng phẩm, in ấn phô tô tài liệu và trang thiết bị làm việc					17.890.000
5	Chi phí khác (hỗ trợ hợp thăm định và hỗ trợ cho cán bộ thôn xã)					8.000.000
	Tổng cộng (I+II)					8.317.042.484

(Bằng chữ: Tám tỷ ba trăm mười bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi bốn đồng)

Bồi thường về đất: 5.946.838.158 đồng

Hỗ trợ về đất: 55.719.000 đồng

Bồi thường cây cối hoa màu: 211.588.700 đồng

Bồi thường vật kiến trúc: 1.796.132.626 đồng

Chi phí thực hiện công tác bồi thường: 306.764.000 đồng